

Bản án số: 31/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 29/03/2024.

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

## **NHÂN DANH**

### **NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

#### **TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG**

\* Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thạch Việt Tâm.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1) Bà Nguyễn Thị Diễm Trinh.

2) Bà Lê Thị Diễm Huyền.

\* Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Quách Văn Diễm, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Kế Sách.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Lâm Bích Ngọc, Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 03 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 327/2023/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 10 năm 2023 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2024/QĐXXST – HNGĐ, ngày 27 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2024/QĐST-HNGĐ ngày 13/03/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Huỳnh Thị Kim A**, sinh năm 1986

Địa chỉ: **ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng** (có mặt).

- Bị đơn: **Nguyễn Hồng N**, sinh năm 1985

Địa chỉ: **ấp A, thị trấn A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng** (vắng mặt).

#### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện ngày 26/7/2019, nguyên đơn bà **Huỳnh Thị Kim A** trình bày: Bà và ông **Nguyễn Hồng N** sau khi quen biết nhau, có tình cảm đến năm 2004 vợ chồng được gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương và được Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số: 12/HT-07, cấp ngày 05/03/2007. Trong quá trình chung sống giữa bà và ông **N** có 02 con chung tên **Nguyễn Thị Hồng G**, sinh ngày 20/04/2005 đã trưởng

thành và có cuộc sống riêng và người con tên Nguyễn Thị Hồng Y, sinh ngày 21/03/2009 hiện nay con đang sống chung với bà.

Sau khi kết hôn giữa bà và ông N có thời gian dài chung sống hạnh phúc nhưng sau đó vợ chồng thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Nhận thấy đời sống hôn nhân giữa bà và ông N không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Kế Sách giải quyết được ly hôn với ông Nguyễn Hồng N; về con chung, yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Hồng Y, sinh ngày 21/03/2009 cho đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, đối với con chung tên Nguyễn Thị Hồng G, sinh ngày 20/04/2005 hiện nay đã trên 18 tuổi, phát triển bình thường về mặt thể chất và tinh thần nên không yêu cầu tòa án giải quyết; về tài sản chung và nợ chung bà A trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Nguyễn Hồng N đã được thông báo, tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng ông không có văn bản trình ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không tham gia hòa giải.

- Vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Thẩm phán tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của pháp luật, việc xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự và quan hệ pháp luật đang tranh chấp là chính xác, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đúng thành phần. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà A được ly hôn với ông N, giao con chung tên Nguyễn Thị Hồng Y, sinh ngày 21/03/2009 cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi, đối với người con chung tên Nguyễn Thị Hồng G, sinh ngày 20/04/2005 hiện nay đã trên 18 tuổi, phát triển bình thường về mặt thể chất và tinh thần, các đương sự không yêu cầu tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét. Về cấp dưỡng nuôi con, do bà A không yêu cầu nên ông N không phải cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung các đương sự không yêu cầu tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

[2] Ông Nguyễn Hồng N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Tại phiên tòa, bà A và đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt ông N. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt ông N.

[3] Theo các tài liệu có trong hồ sơ và lời trình bày của bà Huỳnh Thị Kim A, năm 2004 bà A với ông Nguyễn Hồng N được gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương và được Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số: 12/HT-07, cấp ngày 05/03/2007 nên hôn nhân của ông, bà là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn giữa bà

**A** và ông **N** có thời gian dài chung sống hạnh phúc nhưng sau đó vợ chồng thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Nay bà **A** yêu cầu Tòa giải quyết được ly hôn với ông **Nguyễn Hồng N**. Ông **N** không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không tham gia hòa giải, điều này cho thấy hôn nhân giữa bà **A** và ông **N** đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì ông, bà đã không chung sống với nhau từ năm 2019 cho đến nay nhưng không có biện pháp hàn gắn tình cảm, bà **A** cương quyết yêu cầu ly hôn với ông **N**. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà **A**, cho bà và ông **N** được ly hôn để mỗi người tạo lập cuộc sống mới.

[4] Về con chung: Bà **A** và ông **N** có hai người con chung là **Nguyễn Thị Hồng G**, sinh ngày 20/04/2005 đã trưởng thành và cháu **Nguyễn Thị Hồng Y**, sinh ngày 21/03/2009, hiện nay con đang sống chung với bà **A**. Bà **A** yêu cầu được nuôi cháu **Y** đến tuổi trưởng thành, cháu **Y** có nguyện vọng được tiếp tục ở với mẹ. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu **Y** cho bà **A** trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Đối với con chung là **Nguyễn Thị Hồng G**, sinh ngày 20/04/2005 đã phát triển bình thường về thể chất lẫn tinh thần và có cuộc sống riêng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông **N** không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do bà **A** không yêu cầu.

[6] Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông **N**, không ai được quyền ngăn cản.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Bà **A** không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: Bà **A** phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[9] Như đã nhận định nêu trên, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát có là căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Huỳnh Thị Kim A**.

1/. Về quan hệ hôn nhân: Bà **Huỳnh Thị Kim A** được ly hôn với ông **Nguyễn Hồng N**.

2/. Về con chung: Giao cháu **Nguyễn Thị Hồng Y**, sinh ngày 21/03/2009 cho bà **Huỳnh Thị Kim A** trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Đối với con chung là **Nguyễn Thị Hồng G**, sinh ngày 20/04/2005 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

3/. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông **Nguyễn Hồng N** không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

4/. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông **N**, không ai được quyền ngăn cản.

5/. Về tài sản chung và nợ chung: Bà **Huỳnh Thị Kim A** không yêu cầu giải quyết.

6/. Về án phí: Bà **Huỳnh Thị Kim A** phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số 0010679 ngày 09/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. Bà **A** đã nộp xong án phí sơ thẩm. Ông **Nguyễn Hồng N** không phải chịu án phí.

7/. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

8/. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- THADS huyện Kế Sách;
- UBND TT A, H. KS;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Thạch Viết Tâm**